

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 850/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Dương Thị Kim Hoa.

2- Ông Vũ Huy Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1297/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: B5/90 ấp 2 xã T, huyện B, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: B5/90 ấp 2 xã T, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Phạm Văn L chung sống với nhau do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H. Thời gian đầu bà và ông L chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm sống, hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông L để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông L có 02 con chung là trẻ Phạm Ngọc H (sinh ngày 05/10/2006) và trẻ Phạm Hồng H (sinh ngày 09/02/2013). Hiện nay trẻ Ngọc H và trẻ Hồng H đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Ngọc H và trẻ Hồng H, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống bà và ông L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của bà Nguyễn Thị Kim H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Hoanh. Về con chung: Giao các trẻ Phạm Ngọc H (sinh ngày 05/10/2006) và trẻ Phạm Hồng H (sinh ngày 09/02/2013) cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Phạm Văn L chung sống với nhau do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H ngày 28/8/2006. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông L.

Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện B, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phạm Văn L. Tại phiên tòa hôm nay ông L vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét

xử vắng mặt ông L là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyền số 01/2006 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H ngày 28/8/2006 thể hiện hôn nhân giữa bà H và ông L là hợp pháp.

Tại Công văn số 557/UBND ngày 11/3/2020 Ủy ban nhân dân xã T cho biết giữa bà H và ông L có xảy ra mâu thuẫn. Hiện bà Hoanh và ông Lùng không đã không còn chung sống với nhau, bà Hoanh đã cùng 02 con về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột tại tổ 4 ấp 2 xã T, huyện B, Thành phố H.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình tố tụng, bị đơn ông L vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà H, điều này cho thấy ông L không có thiện chí hàn gắn, không có bất kỳ động thái nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Bà H xác định quá trình chung sống với ông L có 02 con chung là trẻ Phạm Ngọc H (sinh ngày 05/10/2006) và trẻ Phạm Hồng H (sinh ngày 09/02/2013), hiện nay đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Ngọc H và Hồng H. Các trẻ cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Tránh làm xáo trộn cuộc sống của các trẻ, nghĩ nên giao các trẻ Ngọc H và Ngọc H cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H xác định không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H với ông Phạm Văn L. Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Phạm Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 112 quyền số 01/2006 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Phạm Ngọc H (sinh ngày 05/10/2006) và trẻ Phạm Hồng H (sinh ngày 09/02/2013) cho bà Nguyễn Thị Kim H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà H không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Phạm Văn L có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được miễn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0079119 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;

- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

(Đã ký)
Nguyễn Thị Ngọc Châu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 10/9/2020.

Tại Phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

- Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Dương Thị Kim Hoa.

2- Ông Vũ Huy Hoàng.

Đã nghị án về vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo hồ sơ thụ lý số 1297/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Hoanh, ông Phạm Văn Lùng.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Hoanh với ông Phạm Văn Lùng. Bà Nguyễn Thị Kim Hoanh được ly hôn với ông Phạm Văn Lùng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 112 quyền số 01/2006 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Phạm Ngọc Hân (sinh ngày 05/10/2006) và trẻ Phạm Hồng Hạnh (sinh ngày 09/02/2013) cho bà Nguyễn Thị Kim Hoanh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà Hoanh không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Phạm Văn Lùng có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoanh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoanh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0079119 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hoanh đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định với tỉ lệ biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA